

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH**

Số: 08/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lộc Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 5743/BKHĐT-TH ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2020 của UBND huyện; Báo cáo thẩm tra số 10/BC-HĐND-KTXH ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 như sau:

I. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công:

1. Việc phân bổ vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm 2021-2025 của huyện.

2. Việc phân bổ vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng

Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020 và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Phân bổ chi tiết 90% số vốn kế hoạch trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; 10% dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn, chủ động cân đối vốn trong trường hợp nguồn thu không đạt kế hoạch.

4. Bố trí tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công.

5. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

6. Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên sau:

- Bố trí vốn để thanh toán dứt điểm nợ đọng XD CB.

- Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.

- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới thật sự cấp thiết, giải quyết những vấn đề bức xúc của ngành, lĩnh vực, địa phương.

II. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 là 1.992.325 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn đầu tư theo phân cấp và thu tiền sử dụng đất	521.825 triệu đồng
2. Vốn ngân sách tỉnh giao huyện thực hiện	660.500 triệu đồng
3. Dự kiến vốn trung ương hỗ trợ	810.000 triệu đồng

III. Phương án phân bổ chi tiết:

Tổng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương, ngân sách tỉnh phân bổ 90% và dự kiến ngân sách trung ương hỗ trợ cho kế hoạch giai đoạn 2021-2025 là 1.940.143 triệu đồng, bao gồm:

1. Dự án chuyển tiếp:	314.149 triệu đồng
2. Dự án khởi công mới:	1.625.994 triệu đồng

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao UBND huyện Lộc Ninh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Lộc Ninh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Lộc Ninh khóa X, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HU, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Tổ DB HĐND tỉnh ứng cử trên địa bàn huyện;
- Các Ban, Tổ và Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, thị trấn;
- LĐVP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hùng



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số 08 /NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND huyện Lộc Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bổ trí từ khởi công đến hết năm 2019	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn 2021-2025					Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện		Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ		
							Cộng	Trong đó				
							Phân bổ chi tiết 90%	Dự phòng 10%				
	TỔNG SỐ		3.124.888	494.668	566.352	1.992.325	521.825	469.643	52.183	660.500	810.000	
1	CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG		1.908.132	347.681	214.316	1.292.962	253.462	228.116	25.346	489.500	550.000	
1	Chuẩn bị đầu tư											
2	Thực hiện dự án		1.908.132	347.681	214.316	1.292.962	253.462	228.116	25.346	489.500	550.000	
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		796.132	347.681	214.316	226.462	146.462	131.816	14.646	80.000	-	
1	Đường liên xã Lộc Thịnh - Lộc Khánh (đoạn từ ấp Hưng Thủy đi ngã ba đường Đồng Tâm - Lộc Khánh)	3503 26/10/2018	6.048	5.000	1.048	-						
2	Đường từ ấp Hưng Thủy đi trung tâm hành chính xã (đoạn từ ngã ba nhà bà Hồ Thị Phú đến đường Đồng Tâm - Lộc Khánh)	3504 26/10/2018	2.556	2.430	147	-						
3	Đường qua khu quy hoạch bán đấu giá đất tại trung tâm xã Lộc Thạnh	123 29/10/2018	4.811	1.226	3.585	-						
4	Đường giao thông từ ấp Chàng Hai, xã Lộc Quang đi nhà máy mý xã Lộc Phú	3498 26/10/2018	4.990	4.000	953	-						
5	Cổng hộp ấp 8, xã Lộc Điền	4127 20/10/17	4.003	3.125	320	-						
6	Nâng cấp láng nhựa đường từ ấp Hưng Thịnh đi Trung tâm hành chính xã (đoạn từ Sóc cây me đi ấp Chà Là)	128a 30/10/2018	2.620	2.000	620	-						NTM: 2.000tr
7	Đường từ ấp Hưng Thịnh đi trung tâm hành chính xã (đoạn từ công chào ấp Hưng Thịnh đi ấp Chà Là)	3553 30/10/2018	14.990	10.600	3.500	-						NTM: 10.600tr
8	Đường từ ấp Hưng Thịnh đi Trung tâm hành chính xã (đoạn từ ngã ba ấp Hưng Thịnh đi ngã ba ấp Đồng Tâm)	3545 30/10/2018	3.675	2.500	1.175	-						NTM: 2.500tr
9	Đường giao thông liên xã Lộc Điền - Lộc Quang (đoạn ngã ba cây gạo ấp 9, xã Lộc Điền đi xã Lộc Quang)	3495 26/10/2018	19.000	9.550	8.950	-						NTM: 8.250tr
10	Đường bê tông liên ấp 5A-6A-1B	QĐ số 74 05/6/2018	5.610	4.400	900	-						NTM: 4.400tr
11	Đường nhựa liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh (Đoạn từ ấp Thạnh Đông đi Cầu bà Tám)	QĐ số 81 25/6/2018	5.100	2.800	2.000	-						NTM: 2.800tr
12	Đường nhựa từ ấp Thạnh Đông đi trung tâm hành chính xã Lộc Tấn (đoạn từ ấp Thạnh Đông đi ấp Bù Núi B)	QĐ số 82 05/6/2020	2.807	2.000	600	-						NTM: 2.000tr
13	Đường tổ 3, ấp Bù Tam, xã Lộc Quang	1378 30/5/2019	2.880		2.880	-						
14	Đường liên xã Lộc Thạnh - Lộc Tấn (đoạn từ trung tâm xã Lộc Thạnh đi Lộc Tấn)	1971 26/6/2018	8.491	7.500	930	-						NTM: 7.500tr
15	Đường giao thông liên xã từ ấp Thạnh Phú, xã Lộc Thạnh đi ấp Thạnh Tây, xã Lộc Tấn	4233 30/10/2017	11.995	10.500	444	-						
16	Đường từ ngã ba Cây Chặt đi xã Lộc Thiện (đoạn qua xã Lộc Tấn)	1394 30/5/2019	4.788	3.200	1.300	-						NTM: 2.000tr
17	XD đường giao thông ấp Tân Bình 1, xã Lộc Thành	5238 29/12/2017	6.000	5.715	280	-						



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bổ trí từ khởi công đến hết năm 2019	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn 2021-2025						Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện		Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ		
							Cộng	Trong đó				
								Phân bổ chi tiết 90%	Dự phòng 10%			
18	XD đường giao thông liên xã Lộc Hưng - Lộc Khánh	4237 30/10/2017	11.685	11.000	610	-						
19	Mở rộng đường từ Bến xe Lộc Ninh đi hồ bom làng 10, xã Lộc Thiện	4228 26/10/2017	10.829	10.000	447	-						
20	Đường giao thông tổ 5, ấp 12, xã Lộc Tấn đi thị trấn Lộc Ninh	4224 26/10/2017	4.923	4.773	88	-						
21	Đường từ QL13 đi ấp Bù Núi xã Lộc Tấn	4234 30/10/2017	14.899	14.120	716	-						
22	Cầu bà Hành ấp 8, xã Lộc Hòa	4229 26/10/2017	2.832	2.698	20	-						
23	Đường liên xã Lộc Thành - Lộc Thịnh	2061 29/6/2018	6.720	6.411	302	-						
24	Đường từ đồi đất đỏ đi trung tâm xã Lộc Thành		5.000		4.000	-						
25	Đường từ QL13 đi xã Lộc An và Lộc Hiệp		60.000		36.120	23.880	23.880	21.492	2.388			CT trọng điểm
26	Dự án đặc thù theo Nghị định 161 và dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông trên địa bàn các xã, thị trấn		102.000		52.000	50.000	50.000	45.000	5.000			
27	Đường liên ấp Sooc Rung, ấp Tân Hai đi trung tâm hành chính xã (đoạn điểm trường ấp Sooc Rung đi đường liên xã)	2980 29/10/2019	2.130	1.100	900	-						CT135: 1.100tr
28	Đường từ tổ 5 ấp Việt Quang đi Trung tâm hành chính xã	QĐ số 3036 30/10/2019	4.187	1.000	3.000	-						NTM: 1.000tr
29	Đường từ tổ 4 ấp 8 (ngã ba nhà ông Tư Lễ) đi trung tâm hành chính xã	QĐ số 2972 25/10/2019	4.999	3.000	1.681	-						NTM: 3.000tr
30	Mở rộng đường Tôn Đức Thắng đi UBND thị trấn Lộc Ninh (nối dài)	3496 26/10/2018	2.149		2.000	-						
31	Đường nhựa ấp Cẩn Dực đi trung tâm hành chính xã (đoạn từ đường xuyên Á đi nhà ông Ngô Văn Dũng)		4.991	1.961	3.030	-						NTM: 1.961tr
32	Đường từ ấp Lộc Bình 1, Lộc Bình 2 đi trung tâm xã Lộc Thành		5.000		4.000	-						
33	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Bội Châu, đường vành đai thị trấn Lộc		15.000		10.000	5.000	5.000	4.500	500			
34	Nâng cấp các tuyến đường nội ô thị trấn Lộc Ninh		15.000		10.000	5.000	5.000	4.500	500			
35	Mở rộng đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn Lộc Ninh (Đoạn từ Thanh tra huyện đến Trường THPT Lộc Ninh)		10.000		10.000	-		-	-			
36	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Thiện (đoạn từ Trường tiểu học Lộc Thái A đi xã Lộc Thiện)		12.000		9.770	2.230	2.230	2.007	223			
37	Đường từ QL13 đi Nghĩa trang nhân dân huyện		4.000		4.000	-		-	-			
38	Đường từ Trường THPT Lộc Hiệp đi khu đất dự án 1592 (ấp Hiệp Hoàn - Hiệp Hoàn A, xã Lộc Hiệp) giai đoạn 2		8.000		8.000	-		-	-			
39	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh kết nối QL13 (đoạn qua xã Lộc Tấn)		10.000		9.000	1.000	1.000	900	100			
40	Nâng cấp đường Lý Thường Kiệt, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Du, 7/4 và đường Điện Biên Phủ, thị trấn Lộc Ninh		15.000		10.000	5.000	5.000	4.500	500			
41	XD Cầu BTCT đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thạnh		5.000		5.000	-						
42	Đường từ ấp Vườn Bưởi đi trung tâm hành chính xã (đoạn từ tổ 3, ấp Vườn Bưởi đi tổ 8, ấp Măng Cải)	QĐ số 2984 29/10/2019	9.924	8.800		1.124	1.124	1.012	112			NTM: 8.800tr
43	Xây dựng đường giao thông xã Lộc Hòa	CV số 07 23/4/2020	55.000	29.772		25.228	25.228	22.705	2.523			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bổ trí từ khởi công đến hết năm 2019	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn 2021-2025						Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện		Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ		
							Cộng	Trong đó				
								Phân bổ chi tiết 90%	Dự phòng 10%			
44	Xây dựng đường giao thông ấp Tà Tê, xã Lộc Thành	CV số 06 23/4/2021	39.500	36.000		3.500	3.500	3.150	350			
45	Đường tránh QL13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh		245.000	140.500		104.500	24.500	22.050	2.450	80.000		
2.2.	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		1.112.000	-	-	1.066.500	107.000	96.300	10.700	409.500	550.000	
1	Đường liên xã Lộc Tấn - Lộc Thiện (đoạn từ nhà văn hóa ấp Bù Núi B đi ấp K54, xã Lộc Thiện)		4.000			4.000	4.000	3.600	400			
2	Đường từ Trường TH Lộc Thiện B đi ấp Bù Núi, xã Lộc Tấn		8.000			8.000	8.000	7.200	800			
3	Đường nhựa ấp Tân Mai, xã Lộc Thành (đoạn từ nhà ông Đình Văn Thao đến nhà bà Lê Thị Thắm)		5.000			5.000	5.000	4.500	500			
4	Đường từ nhà bà Nga ấp Bù Núi B đi ấp Thanh Đông		5.000			5.000	5.000	4.500	500			
5	Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Tấn (đoạn từ ngã ba nhà ông Nhân đi xã Lộc Tấn)		5.000			5.000	5.000	4.500	500			
6	Đường từ ngã tư Mũi Tôn, xã Lộc Thiện đi xã Lộc Thái		10.000			10.000	10.000	9.000	1.000			
7	Đường từ nhà văn hóa ấp 8A đi đường tuần tra ấp Suối Thôn, xã Lộc Hòa		5.000			5.000	5.000	4.500	500			
8	Đường nhựa ấp 7, xã Lộc Hòa (đoạn từ ngã ba Công Linh đến cổng chào ấp 7)		5.000			5.000	5.000	4.500	500			
9	Đường nhựa tổ 7 - 9, ấp Việt Quang, xã Lộc Quang		6.000			6.000	6.000	5.400	600			
10	Đường nhựa tổ 5, ấp Tam Nguyên, xã Lộc Quang		6.000			6.000	6.000	5.400	600			
11	Đường liên xã Lộc Phú - Lộc Hiệp (đoạn từ ngã ba ấp Bù Linh đi ấp Hiệp Tâm, xã Lộc Hiệp)		5.000			5.000	5.000	4.500	500			
12	Đường từ QL13 qua xã Lộc An đi Lộc Hiệp (giai đoạn 2)		12.000			12.000	12.000	10.800	1.200			
13	XD mương thoát nước, kè chống sạt lở và đường vào nhà dân trên đường Phan Chu Trinh		5.000			5.000	5.000	4.500	500			
14	Kè chống sạt lở trường Mẫu giáo Sao Mai		5.000			5.000	5.000	4.500	500			
15	Đường liên xã Lộc Thuận - Lộc Phú (đoạn từ ấp 7 xã Lộc Thuận đi Cầu Bù Linh xã Lộc Phú)		6.000			6.000	6.000	5.400	600			
16	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Lợi, thị trấn Lộc Ninh		5.000			5.000	5.000	4.500	500			
17	Nâng cấp đường 3/2, thị trấn Lộc Ninh		5.000			5.000	5.000	4.500	500			
18	Nâng cấp đường Trần Phú, thị trấn Lộc Ninh		5.000			5.000	5.000	4.500	500			
19	Đường Tà Thiệt - Hoa Lư kết nối với đường phía Tây QL13		100.000			90.000				90.000		CT trọng điểm
20	Đường liên xã Lộc Hưng - Lộc Thành kết nối QL13		60.000			54.000				54.000		CT trọng điểm
21	Đường liên xã Lộc Thuận - Lộc Hiệp - Lộc Quang kết nối đường ĐT756 và ĐT759B		100.000			90.000				90.000		CT trọng điểm
22	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời Lộc Ninh		90.000			81.000				81.000		CT trọng điểm
23	Đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13		45.000			40.500				40.500		
24	Đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13		30.000			27.000				27.000		
25	Đường liên xã Lộc Diên - Lộc Khánh kết nối QL13		30.000			27.000				27.000		
26	Đường từ UBND xã Lộc Thuận kết nối QL13		60.000			60.000					60.000	
27	Đường từ QL13 đi trung tâm xã Lộc An và đường tuần tra Biên giới		70.000			70.000					70.000	
28	Đường tránh phía Đông QL13, đoạn qua thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh		210.000			210.000					210.000	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2019	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn 2021-2025					Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện		Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ	
							Cộng	Trong đó			
							Phân bổ chi tiết 90%	Dự phòng 10%			
29	Đường ngã ba hồ bom làng 10 đi ấp K54, xã Lộc Thiện đầu nối đường Tà Thiết - Hoa Lư		95.000			95.000				95.000	CT trọng điểm
30	Đường Bù Núi đi đường tuần tra Biên giới		115.000			115.000				115.000	CT trọng điểm
II CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO			323.429	35.913	124.471	141.600	60.600	54.540	6.060	81.000	
1	Chuẩn bị đầu tư										
2	Thực hiện dự án		323.429	35.913	124.471	141.600	60.600	54.540	6.060	81.000	
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		175.829	35.913	124.471	3.000	3.000	2.700	300	-	
1	XD 16 phòng học lầu Trường THCS Lộc Điền	3500 26/10/2018	13.150	4.700	8.000						NTM: 1.000tr
2	XD 04 phòng chức năng Trường THCS Lộc Thuận	3507 26/10/2018	3.801	2.500	1.301						
3	XD 08 phòng học lầu Trường TH&THCS Lộc Thịnh	3499 26/10/2018	4.048	3.015	1.033						
4	XD 06 phòng học lầu và phòng chức năng Trường MG Lộc Thịnh	3510 26/10/2018	3.747	2.200	1.547						
5	10 phòng học lầu và phòng chức năng Trường TH Lộc Điền A	3501 26/10/2018	5.436	3.000	2.436						
6	08 phòng học lầu Trường TH Lộc An	3508 26/10/2018	3.527	1.800	1.727						
7	XD 02 phòng trường TH Lộc Thuận A (điểm lẻ ấp 8)	117 31/10/2018	1.683	1.345	338						NTM: 1.345tr
8	XD 10 phòng học lầu Trường TH Lộc Thuận A	3544 30/10/2018	6.968	5.600	1.100						NTM: 5.600tr
9	08 phòng học lầu Trường THCS Lộc Tấn	4284 31/10/2017	5.873	4.700	1.000						
10	08 phòng học lầu Trường TH và THCS Lộc Thạnh	4285 31/10/2017	6.000	4.731	337						
11	Hỗ trợ XD 08 phòng học lầu Trường TH Lộc Tấn A	3505 24/10/2018	3.504	427	312						
12	XD 18 phòng học lầu trường TH&THCS Lộc Thiện	CV23a/HĐN D	12.000		11.688						
13	XD 08 phòng học lầu trường TH&THCS Lộc Thành	3005 30/10/2019	4.257		4.100						
14	XD 12 phòng học lầu trường TH Lộc Hưng		6.000		5.100						
15	XD 08 phòng học lầu trường THCS Lộc Điền	3020 25/10/2019	6.000		5.700						
16	XD 10 phòng học lầu trường TH thị trấn Lộc Ninh A		6.000		-						
17	Xây dựng 10 phòng học Trường THCS Lộc Quang	2983 29/10/2019	5.219	1.100	4.000						CT135 đối ứng 1.100tr
18	XD 04 phòng học lầu Trường MG Tuổi Thơ, xã Lộc Khánh	2894 29/10/2019	3.116	795	2.252						CT135 đối ứng 795tr
19	XD trường THCS thị trấn Lộc Ninh		30.000		27.000	3.000	3.000	2.700	300		
20	XD 10 phòng học lầu, 02 phòng ngoại ngữ, tin học và nhà tập đa năng trường TH Lộc Hiệp		10.000		10.000						

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2019	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn 2021-2025						Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện		Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ		
							Cộng	Trong đó				
								Phân bổ chi tiết 90%	Dự phòng 10%			
21	XD 14 phòng học, phòng chức năng và nhà tập đa năng trường THCS Lộc Hiệp		12.000		12.000							
22	XD nhà tập đa năng trường TH Lộc Thái A		3.000		3.000							
23	XD 16 phòng học lầu (06 phòng học, 06 phòng chức năng và 04 phòng bộ môn) trường THCS Lộc Tấn		14.000		14.000							
24	XD 04 phòng chức năng và nhà tập đa năng trường TH Lộc Thái B		3.500		3.500							
25	XD phòng thư viện, thiết bị, tin học, phòng hội đồng và nhà tập đa năng trường THCS Lộc Thái		3.000		3.000							
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		147.600	-	-	138.600	57.600	51.840	5.760	81.000		
1	Trường mẫu giáo Hoa Cúc		20.000			20.000	20.000	18.000	2.000			
2	XD 10 phòng học lầu trường THCS Lộc Hưng		6.000			6.000	6.000	5.400	600			
3	XD 24 phòng học lầu trường THCS Lộc Khánh		15.000			15.000	15.000	13.500	1.500			
4	XD nhà tập Đa năng và 04 phòng lầu chức năng (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và 02 phòng tin học) trường THCS Lộc Điền		5.000			5.000	5.000	4.500	500			
5	XD 06 phòng học lầu (điểm lẻ) trường TH Lộc Thuận B		3.600			3.600	3.600	3.240	360			
6	XD 12 phòng học và chức năng và 01 nhà tập đa năng trường TH Lộc Điền A		8.000			8.000	8.000	7.200	800			
7	Trường mẫu giáo Lộc Thái		20.000			18.000				18.000		
8	Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng		20.000			18.000				18.000		
9	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS		50.000			45.000				45.000		
III	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG		168.901	14.253	82.249	70.372	70.372	63.335	7.037			
1	Chuẩn bị đầu tư											
2	Thực hiện dự án		168.901	14.253	82.249	70.372	70.372	63.335	7.037			
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		158.901	14.253	82.249	60.372	60.372	54.335	6.037			
1	XD Hội trường Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	443 25/02/2020	20.509	7.200	11.937	1.372	1.372	1.235	137			
2	Nhà làm việc Công an UBND xã Lộc An	3502 26/10/2018	1.535	1.330	205	-		-	-			
3	Hội trường UBND xã Lộc Hưng	4223 26/10/2017	2.885	2.787	71	-		-	-			
4	Hội trường UBND xã Lộc Tấn	4231 26/10/2017	2.972	2.936	36	-		-	-			
5	XD Hội trường BCH Quân sự huyện		6.000		3.000	3.000	3.000	2.700	300			
6	XD Nhà thi đấu đa năng huyện		13.000		12.000							
7	XD Trung tâm hành chính huyện		100.000		50.000	50.000	50.000	45.000	5.000			CT trọng điểm
8	XD 16 phòng khám bệnh Trung tâm y tế huyện		10.000		4.000	5.000	5.000	4.500	500			
9	San lấp mặt bằng, xây dựng cổng, hàng rào trường MG Lộc Hưng		2.000		1.000	1.000	1.000	900	100			
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		10.000	-	-	10.000	10.000	9.000	1.000	-	-	
1	Trạm Y tế Lộc Hưng		5.000			5.000	5.000	4.500	500			
2	XD Trụ sở Hạt Kiểm lâm huyện		5.000			5.000	5.000	4.500	500			
IV	CÔNG TRÌNH ĐIỆN		73.111	3.763	25.850	42.760	42.760	38.484	4.276			
1	Chuẩn bị đầu tư					-						

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bổ trí từ khởi công đến hết năm 2019	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn 2021-2025					Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện		Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ		
							Cộng	Trong đó				
								Phân bổ chi tiết 90%				Dự phòng 10%
					-							
2	Thực hiện dự án		73.111	3.763	25.850	42.760	42.760	38.484	4.276			
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		31.051	3.763	25.850	700	700	630	70			
1	Điện trung hạ thế và TBA tổ 5, ấp Hưng Thủy và tổ 11 ấp Tà Thiết, xã Lộc Thịnh	3509 26/10/2018	993	332	661	-						
2	Điện trung hạ thế và TBA tổ 11, ấp 8, xã Lộc Điền	3511 26/10/2018	999	361	638	-						
3	Điện ấp 11, xã Lộc Thuận		1.500		1.000	500	500	450	50			
4	Điện tổ 4, ấp Chàng hai đi tổ 7, ấp Việt Quang, xã Lộc Quang	3059 30/10/2019	3.951		3.851	100	100	90	10			
5	Điện THT ấp K57, xã Lộc Tấn		1.700		1.600	100	100	90	10			
6	Đường dây trung hạ thế và TBA các ấp Tân Hai, SoocRung, Tân Lợi, Bù Linh, Vê Vang và Thắng Lợi, xã Lộc Phú	QĐ số 2956 25/10/2019	5.508	3.070	1.700	-					NTM: 3.070tr	
7	Điện tổ 3-6-7, ấp Tân Hai, xã Lộc Phú (đoạn từ nhà bà Thảo đến nhà bà Tám Tuyết)		3.500		3.500	-						
8	Điện tổ 4, ấp Tân Hai, xã Lộc Phú (đoạn từ ngã ba điểm trường ấp Soorung đến nhà ông Cửu)		1.200		1.200	-						
9	Điện thấp sáng nông thôn		7.000		7.000	-						
10	Điện THT ấp 4A, xã Lộc Tấn		1.200		1.200	-						
12	Điện khu Đồi Trờ ấp Sóc Lớn, xã Lộc Khánh		3.500		3.500	-			-			
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		42.060	-	-	42.060	42.060	37.854	4.206			
1	Điện tổ 5, ấp Đồi Đá, Lộc Khánh		800			800	800	720	80			
2	Điện tổ 2, ấp Đồi Đá, Lộc Khánh		800			800	800	720	80			
3	Điện tổ 5,6 ấp Cầm Lê, xã Lộc Khánh		1.500			1.500	1.500	1.350	150			
4	Điện ấp Đồng Tâm - Hưng Thịnh, Lộc Thịnh		2.000			2.000	2.000	1.800	200			
5	Điện ấp Đồng Tâm - Lộc Khánh, Lộc Thịnh		2.000			2.000	2.000	1.800	200			
6	Điện tổ 4, ấp Cầm Lê - tổ 6, ấp Tà Thiết, Lộc Thịnh		2.500			2.500	2.500	2.250	250			
7	Điện ấp Vườn Bưởi, Lộc Thiện		4.800			4.800	4.800	4.320	480			
8	Điện ấp K54, Lộc Thiện		1.800			1.800	1.800	1.620	180			
9	Điện ấp Măng Cái, Lộc Thiện		3.200			3.200	3.200	2.880	320			
10	Điện ấp 1, Lộc Thiện		960			960	960	864	96			
11	Điện tổ 4, tổ 6 ấp 1, Lộc Điền		800			800	800	720	80			
12	Điện tổ 6,7 ấp 7, Lộc Điền		1.600			1.600	1.600	1.440	160			
13	Điện tổ 4,5B,7,11,12, Lộc Điền		4.000			4.000	4.000	3.600	400			
14	Điện tổ 5 ấp 7, xã Lộc Thuận		1.000			1.000	1.000	900	100			
15	Điện tổ 2, ấp 6, xã Lộc Hưng		500			500	500	450	50			
16	Điện liên ấp 1,5, xã Lộc Hưng		600			600	600	540	60			
17	Điện tổ 4, ấp 9, xã Lộc Hưng		800			800	800	720	80			
18	Điện ấp Chàng Hai - Việt Quang, Lộc Quang		3.000			3.000	3.000	2.700	300			
19	Điện tổ 7,9 ấp Việt Quang, xã Lộc Quang		1.200			1.200	1.200	1.080	120			
20	Điện tổ 1,7,8 ấp Tân Lợi, tổ 2,9 ấp Soorung, tổ 4, ấp Vê Vang, xã Lộc Phú		5.000			5.000	5.000	4.500	500			
21	Điện tổ 5, ấp Bù Nôm, xã Lộc Phú (đoạn từ đường đi xã Lộc Thuận đến nhà ông Ngà)		1.600			1.600	1.600	1.440	160			
22	Điện ấp Thắng Lợi, Lộc Phú (đoạn từ nhà ông Hoàn đến nhà ông Bảy Phụng)		800			800	800	720	80			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2019	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch vốn 2021-2025					Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng cộng	Nguồn vốn ngân sách huyện		Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ 90%	Dự kiến nguồn vốn trung ương hỗ trợ		
							Cộng	Trong đó				
							Phân bổ chi tiết 90%	Dự phòng 10%				
23	Điện áp Bù Linh, Lộc Phú (đoạn từ nhà văn hóa ấp Bù Linh đi bãi đá Bù Linh)		800			800	800	720	80			
V	CÔNG TRÌNH VĂN HÓA - XÃ HỘI - ANTT		8.000	-	8.000	-			-			
1	Chuẩn bị đầu tư					-						
2	Thực hiện dự án		8.000	-	8.000	-			-			
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					-						
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		8.000	-	8.000	-			-			
1	Hệ thống Camera an ninh		5.000		5.000	-						
2	Cải tạo sân vận động huyện		3.000		3.000	-						
VI	CÔNG TRÌNH THỦY LỢI		460.000	-	50.369	404.631	54.631	49.168	5.463	90.000	260.000	
1	Chuẩn bị đầu tư					-						
2	Thực hiện dự án		460.000	-	50.369	404.631	54.631	49.168	5.463	90.000	260.000	
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		100.000	-	50.369	49.631	49.631	44.668	4.963	-		
1	Hồ chứa nước thị trấn Lộc Ninh (bao gồm GPMB)		100.000		50.369	49.631	49.631	44.668	4.963			CT trọng điểm
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		360.000	-	-	355.000	5.000	4.500	500	90.000	260.000	
1	Cải tạo suối chống hạn (đoạn từ chân đập nước Lộc Tấn đến cầu Lâm Trường)		100.000			90.000				90.000		CT trọng điểm
2	XD giếng nước tập trung tại các xã trên địa bàn huyện					5.000	5.000	4.500	500			
3	Đường và kè suối Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế biến đi cầu Đổ xã Lộc Điền)		150.000			150.000					150.000	
4	Hệ thống kênh tưới huyện		110.000			110.000					110.000	
VII	CHI PHÍ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG		163.315	93.058	60.257	20.000	20.000	18.000	2.000			
1	Chuẩn bị đầu tư					-						
2	Thực hiện dự án		163.315	93.058	60.257	20.000	20.000	18.000	2.000			
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		143.315	93.058	60.257	-	-	-	-			
1	GPMB đường Đồng Tâm - Tà Thiết		114.558	74.558	40.000	-						
2	GPMB đường Phan Chu Trinh		28.757	18.500	10.257	-						
3	GPMB dự án 34ha thị trấn Lộc Ninh				10.000	-						
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		20.000	-	-	20.000	20.000	18.000	2.000			
1	GPMB các dự án trên địa bàn huyện		20.000			20.000	20.000	18.000	2.000			
VIII	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025		20.000		840	20.000	20.000	18.000	2.000			